

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Conipa
Pure

70 mg Kẽm gluconat (tương đương với 10 mg Kẽm)

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi 10 ml chứa:

Hoạt chất:

70 mg Kẽm gluconat tương đương với 10 mg Kẽm.

Tá dược: Sucralose, natri benzoat, citric acid monohydrat, hương cam, sunset yellow, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Dung dịch uống.

Mô tả: Dung dịch trong suốt, màu cam

pH: 2,5-5,5

Chỉ định

- Bệnh Wilson.

- Các trường hợp thiếu kẽm (Tiêu chảy, dinh dưỡng kém, phụ nữ có thai).

Liều dùng và cách dùng

Bệnh Wilson:

Trẻ em 1-6 tuổi: 25 mg kẽm/ngày.

Trẻ 6-16 tuổi cân nặng dưới 57 kg: 25 mg kẽm/ngày.

Người 16 tuổi trở lên, hoặc có khối lượng cơ thể trên 57 kg: 50 mg kẽm/ngày.

Phụ nữ mang thai: 25 mg kẽm/ngày. Chia 3 lần/ngày.

Các trường hợp thiếu kẽm (Tiêu chảy, dinh dưỡng kém, phụ nữ có thai)

Liều có thể lên đến 50 mg kẽm/ngày, chia 3 lần/ngày

Chống chỉ định

- Thuốc chống chỉ định với bệnh nhân có mẫn cảm với kẽm hoặc các thành phần khác của thuốc.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Khi dùng đồng thời kẽm với các kháng sinh penicillin sẽ làm giảm tác dụng của kẽm cũng như tác dụng của kháng sinh. Kẽm có thể tạo phức chelat với kháng sinh tetracyclin, do đó tránh dùng cùng thời điểm.

- Đối với bệnh nhân suy gan, có giảm bài tiết mật, cần chú ý giảm liều vì có thể bị tích tụ và quá liều.

Thận trọng và giảm liều ở bệnh nhân suy thận.

- Không dùng kẽm khi có HIV/AIDS.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thuốc qua nhau thai kém. Việc bổ sung kẽm trong thời kỳ mang thai là cần thiết.

Phụ nữ có thai: Không dùng quá 40 mg/ ngày.

Tham khảo ý kiến bác sỹ trước khi dùng

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Thuốc hầu như không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Tuy nhiên, có trường hợp đau đầu, khó chịu, thờ ơ có thể xảy ra (rất ít xảy ra), vì thế cần thận trọng khi sử dụng thuốc cho người phải thường xuyên lái xe và vận hành máy móc

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Các thuốc sau đây có thể tương tác hoặc giảm hiệu quả điều trị khi dùng cùng với dung dịch kẽm:

- Penicilamin: Kẽm làm giảm hấp thu và hiệu quả điều trị của penicilamin, do đó không dùng đồng thời 2 thuốc với nhau. Nên uống cách nhau ít nhất 2 giờ.

- Kháng sinh quinolon: Đây là tương tác ở mức trung bình, kẽm có thể làm giảm hấp thu của quinolon, do đó nên dùng kháng sinh trước 2 giờ hoặc 4-6 giờ sau khi bổ sung kẽm.

- Kháng sinh tetracyclin: kẽm có thể tạo phức chất với tetracyclin làm giảm hấp thu của tetracyclin,

do đó nên dùng kháng sinh trước 2 giờ hoặc 4-6 giờ sau khi bổ sung kẽm.

- Cisplatin: Kẽm có thể làm bất hoạt cisplatin, tuy tương tác này chưa biết chắc chắn về mức độ nhưng số lượng nhiều gây ra là đáng kể.

- Các muối calci, sắt: sự cạnh tranh hấp thu có thể làm giảm hấp thu của cả kẽm và các vi lượng dùng cùng.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Thuốc có thể gây ra các tác dụng phụ trên tiêu hóa như đau bụng, nôn, buồn nôn, tiêu chảy, kích ứng và loét miệng, kích thích dạ dày và viêm dạ dày. Các trường hợp đau đầu, khó chịu, thờ ơ ít khi xảy ra.

Dùng kéo dài kẽm có thể gây ra thiếu các vi lượng khác, đặc biệt là đồng, sắt gây thiếu máu. Dùng kẽm liều cao kéo dài cũng gây ra các triệu chứng sinh dục và có thể dẫn đến ung thư tiền liệt tuyến

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng: Quá liều kẽm dẫn tới ăn mòn niêm mạc. Viêm loét miệng, viêm loét dạ dày và có thể dẫn tới thủng dạ dày.

Xử trí quá liều: Tránh rửa dạ dày và gây nôn. Có thể cho uống sữa để giảm đau và dùng các tác nhân tạo phức chelat như calci edetat.

Các triệu chứng quá liều ở mức độ nhẹ hơn có thể chỉ gây buồn nôn, nôn, đau đầu.

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Khoáng chất và chất điện giải

Mã ATC: A12CB02

Cơ chế của các tác dụng trên miễn dịch của kẽm chưa được hiểu rõ. Một trong những nguyên nhân là do kẽm giúp ổn định màng, dẫn đến ảnh hưởng tới quá trình truyền tín hiệu liên quan đến miễn dịch trung gian tế bào. Kẽm tham gia vào quá trình truyền tín hiệu. Kẽm cũng có thể ảnh hưởng đến biểu hiện gen bằng cách ổn định cấu trúc của các yếu tố phiên mã miễn dịch khác nhau. Cản ứng cytokin của kẽm cũng có thể do tương tác trực tiếp của kẽm với monocyt. Kích thích của kẽm với lympho T xuất hiện thông qua tăng monocyt IL-1 và tiếp xúc tế bào-tế bào. Nồng độ kẽm cao ức chế sự gia tăng lympho T bằng cách chặn enzym kinase của receptor của IL-1 type 1. Việc hoạt hóa lympho T phụ thuộc nồng độ kẽm trong máu.

Kẽm cũng có thể là chất chống oxy hóa thứ cấp. Kẽm không có tác dụng chống oxy hóa trong điều kiện sinh lý. Kẽm có khả năng ổn định màng tế bào bởi khả năng ổn định nhóm thiol và phospholipids. Nó cũng có thể chiếm giữ các các vị trí khác có các kim loại hoạt động như sắt. Các hoạt động này có thể bảo vệ màng chống oxy hóa. Kẽm cũng có mặt trong cấu trúc của enzym kẽm-đồng superoxid dismutase (Zn/Cu - SOD).

Đặc tính dược động học

Hấp thu: Kẽm được hấp thu qua đường tiêu hóa. Sự hấp thu của kẽm có thể bị giảm bởi một số thực phẩm nhất định, có thể làm giảm hấp thu 20-30%. Nhìn chung, khoảng 20% kẽm hấp thu qua đường tiêu hóa phụ thuộc vào dạng muối. Mức độ hấp thu cũng khác nhau với từng cá thể.

Phân bố: Phân bố khắp cơ thể nhưng nhiều trong xương, cơ quan sinh sản nam, tóc, mắt, thấp hơn trong cơ bắp, thận, gan. Liên kết cao với protein huyết tương, đặc biệt là albumin. Không có dữ liệu về thể tích phân bố.

Quy cách đóng gói:

Hộp 4 vi x 5 ống nhựa/vi x 10 ml.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

TS-16-090825-102711-C00270

Kích thước 120 mm x 180 mm

Thay đổi nhãn theo TT 01